

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CHĂM SÓC CÁ NHÂN

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên học phần (tiếng Việt): Sản xuất sản phẩm chăm sóc cá nhân

Tên học phần (tiếng Anh): Producing personal care products

Trình độ: Đại học

Mã học phần: 01011006817

Mã tự quản: 04200055

Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Công nghệ Hữu cơ – Khoa Công nghệ Hoá học

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Phân bố thời gian:

- Số tiết lý thuyết : 30 tiết
- Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH) : 00 tiết
- Số tiết tự học : 60 tiết

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không;
- Học phần học trước: Hóa Hữu cơ (0101001887)
- Học phần song hành: Hoá mỹ phẩm (0101001928)

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT [1]	Họ và tên [2]	Email [3]	Đơn vị công tác [4]
1	TS.Nguyễn Thị Hồng Anh	anhnth@hufi.edu.vn	Khoa CNHH- HUFİ
2	TS. Phan Thị Thanh Diệu	dieuptt@hufi.edu.vn	Khoa CNHH- HUFİ
3	ThS.Lữ Thị Mộng Thy	thyltm@hufi.edu.vn	Khoa CNHH- HUFİ

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này giúp sinh viên có hiểu biết về các sản phẩm chăm sóc cá nhân theo các hình thái đặc trưng phổ biến như sản phẩm dạng nhũ, sản phẩm dạng kem, sản phẩm dạng lỏng. Bên cạnh đó, môn học trang bị đủ tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh, giúp đọc được các tài liệu chuyên ngành liên quan đến môn học bằng tiếng Anh. Đồng thời môn học rèn luyện cho sinh viên chủ động, phối hợp tốt trong nhóm, độc lập trong tự học và nghiên cứu. Trên cơ sở lý thuyết về nguyên liệu, quy trình phối liệu sinh viên có thể lập lên đơn phối liệu theo tiêu chí sản phẩm riêng của mình. Đồng thời môn học rèn luyện cho sinh viên chủ động, phối hợp tốt trong nhóm, độc lập trong

tự học và nghiên cứu: cùng nhau thực hiện các nội dung trong môn học và của bài tập nhóm. Trình diễn báo cáo rõ ràng kết quả cuối cùng của bài tập nhóm trước nhiều người, tăng kỹ năng thuyết phục người khác cũng như bảo vệ chính kiến của mình về chuyên môn.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo [3]	Trình độ năng lực [4]
G1	Phân tích các dữ liệu để xây dựng được đơn sản phẩm và quy trình phối liệu các sản phẩm chăm sóc cá nhân	PLO1.2,	4
G2	Áp dụng tin học căn bản trong thu thập tài liệu, soạn thảo bài làm.	PLO3.1	3
G3	Thực hiện đúng theo format và yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập cá nhân hoặc nhóm một cách rõ ràng trên cơ sở đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành tiếng việt và tiếng anh	PLO10.2 PLO11.2	3
G4	Làm đúng theo kế hoạch cá nhân hay kế hoạch nhóm một cách độc lập các nội dung phụ trách và hợp tác trong làm việc nhóm đảm bảo kết quả chung	PLO12.1 PLO15.1	3
G5	Giải thích được vấn đề để đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong các vấn đề liên quan đến chuyên môn	PLO14.2	3

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra (CĐR) chi tiết của học phần như sau:

Mục tiêu học phần [1]	CĐR học phần [2]	Mô tả chuẩn đầu ra [3]	Trình độ năng lực [4]
G1	CLO1.1	Giải thích được các nhóm nguyên liệu cần sử dụng theo xu hướng sử dụng và nguyên tắc phối liệu chung cho sản phẩm chăm sóc cá nhân ở các hình thái hay hiệu quả khác nhau	2
	CLO1.2	Suy luận để chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phối liệu tạo sản phẩm khác nhau	4
	CLO1.3	Phân tích các dữ liệu để xây dựng được một đơn công nghệ sản xuất sản phẩm chăm sóc cá nhân cũng như qui trình phối liệu cho sản phẩm riêng	4
G2	CLO2	Sử dụng công cụ tin học để điều tra, sưu tầm, tra cứu được tài liệu từ các nguồn khác nhau tiếng việt và tiếng anh để thu thập thông tin cần thiết và hoàn thiện trình bài tập cá nhân hay làm báo cáo nhóm	3

Mục tiêu học phần [1]	CDR học phần [2]	Mô tả chuẩn đầu ra [3]	Trình độ năng lực [4]
G3	CLO3	Thuyết trình báo cáo thành thạo bài tập cá nhân hay bài tập nhóm về các vấn đề liên quan trong học phần sản xuất sản phẩm cá nhân	3
G4	CLO4	Làm đúng theo kế hoạch đã lập một cách độc lập các nội dung phụ trách và hợp tác trong làm việc nhóm đảm bảo kết quả chung	3
G5	CLO 5.1	Đặt được các tiêu chí để xây dựng sản phẩm chăm sóc cá nhân đúng theo các qui định về an toàn theo qui chuẩn các sản phẩm hoá mỹ phẩm	3
	CLO5.2	Giải thích được vấn đề để đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong các vấn đề liên quan đến chuyên môn	3

(*) Các CDR học phần được xây dựng dựa trên việc tham khảo 1982/QĐ-TTg- Khung trình độ quốc gia Việt Nam và Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Công nghệ Kỹ thuật hóa học trình độ đại học do Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

6.1. Phân bố thời gian tổng quát

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]		
			Lý thuyết	TN/TH	Tự học
1	Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về các sản phẩm chăm sóc cá nhân	CLO1.1	6	0	12
2	Chương 2. Sản phẩm dạng nhũ: sữa tắm, dầu gội đầu	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO2; CLO3; CLO4; CLO 5.1; CLO5.2	9	0	18
3	Chương 3. Sản phẩm dạng kem: dầu xả, lotion dưỡng da, kem rửa mặt	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO2; CLO3; CLO4; CLO 5.1; CLO5.2	9	0	18
4	Chương 4. Sản phẩm lỏng: xit dưỡng tóc, xit cấp ẩm, serum	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO2; CLO3; CLO4; CLO 5.1; CLO5.2	6	0	12
Tổng			30	0	60

6.2. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về các sản phẩm chăm sóc cá nhân

1.1 Tổng quan về các sản phẩm chăm sóc cá nhân

1.1.1 Nhu cầu sử dụng các sản phẩm chăm sóc cá nhân

- 1.1.2 Yêu cầu chất lượng của các sản phẩm chăm sóc cá nhân
- 1.2 Xu hướng phát triển các loại sản phẩm chăm sóc cá nhân
- 1.3 Một số sản phẩm chăm sóc cá nhân thông dụng
- 1.4 Yêu cầu của sản phẩm chăm sóc cá nhân
- 1.5 Các nguyên liệu sử dụng trong hóa mỹ phẩm
 - 1.5.1 Các nhóm nguyên liệu làm sạch
 - 1.5.2 Các nhóm nguyên liệu hỗ trợ làm sạch
 - 1.5.3 Chất tạo nhũ
 - 1.5.4 Các chất giữ ẩm và làm mềm
 - 1.5.5 Các chất trị liệu và các phụ gia khác
 - 1.5.6 Yêu cầu và cách lựa chọn nguyên liệu sử dụng trong hóa mỹ phẩm
- 1.6 Nguyên tắc xây dựng sản phẩm chăm sóc cá nhân
 - 1.6.1 Xác định cấu trúc sản phẩm chăm sóc cá nhân
 - 1.6.2 Các chất tạo nền tạo hình thái sản phẩm
 - 1.6.3 Nguyên tắc phối liệu và điều chỉnh chất lượng sản phẩm

Chương 2. Sản phẩm dạng nhũ: sữa tắm, dầu gội đầu

- 2.1. Xác định cấu trúc sản phẩm nhũ
- 2.2. Các chất tạo nền tạo hình thái sản phẩm
 - 2.2.1 Các chất tạo nền nhũ trong
 - 2.2.2 Các chất tạo nền đục
- 2.3. Sản xuất sản phẩm sữa tắm
 - 2.3.1. Nguyên tắc phối liệu sản phẩm sữa tắm
 - 2.3.2. Thành lập đơn sữa tắm
 - 2.3.3. Quy trình tiến hành phối liệu sản phẩm sữa tắm
 - 2.3.4. Yêu cầu chất lượng và các tiêu chí kiểm soát chất lượng sữa tắm
- 2.4. Sản xuất sản phẩm dầu gội đầu
 - 2.4.1. Nguyên tắc phối liệu sản phẩm dầu gội đầu
 - 2.4.2. Thành lập đơn dầu gội đầu
 - 2.4.3. Quy trình tiến hành phối liệu sản phẩm dầu gội đầu
 - 2.4.4. Yêu cầu chất lượng và các tiêu chí kiểm soát chất lượng dầu gội đầu

Chương 3. Sản phẩm dạng kem: dầu xả, lotion

- 3.1. Xác định cấu trúc sản phẩm dạng kem
- 3.2. Các chất tạo nền tạo hình thái sản phẩm dạng kem
- 3.3. Sản xuất sản phẩm dầu xả
 - 3.3.1. Nguyên tắc phối liệu sản phẩm dầu xả
 - 3.3.2. Thành lập đơn dầu xả
 - 3.3.3. Quy trình tiến hành phối liệu sản phẩm dầu xả
 - 3.3.4. Yêu cầu chất lượng và các tiêu chí kiểm soát chất lượng dầu xả
- 3.4. Sản xuất sản phẩm lotion
 - 3.4.1. Nguyên tắc phối liệu sản phẩm lotion
 - 3.4.2. Thành lập đơn lotion
 - 3.4.3. Quy trình tiến hành phối liệu sản phẩm lotion
 - 3.4.4. Yêu cầu chất lượng và các tiêu chí kiểm soát chất lượng lotion

Chương 4. Sản phẩm lỏng: xịt dưỡng tóc, xịt cấp ẩm

- 4.1. Xác định cấu trúc sản phẩm dạng lỏng
- 4.2. Các chất tạo nền tạo hình thái sản phẩm dạng lỏng
- 4.3. Sản xuất sản phẩm xịt dưỡng tóc
 - 4.3.1. Nguyên tắc phối liệu sản phẩm xịt dưỡng tóc

- 4.3.2. Thành lập đơn xit dưỡng tóc
- 4.3.3. Quy trình tiến hành phối liệu sản phẩm xit dưỡng tóc
- 4.3.4. Yêu cầu chất lượng và các tiêu chí kiểm soát chất lượng xit dưỡng tóc
- 4.4. Sản xuất sản phẩm xit cấp ẩm
 - 4.4.1. Nguyên tắc phối liệu sản phẩm xit cấp ẩm
 - 4.4.2. Thành lập đơn xit cấp ẩm
 - 4.4.3. Quy trình tiến hành phối liệu sản phẩm xit cấp ẩm
 - 4.4.4. Yêu cầu chất lượng và các tiêu chí kiểm soát chất lượng xit cấp ẩm

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Nhóm CĐR của học phần			
		Kiến thức	Kỹ năng cá nhân	Kỹ năng làm việc nhóm	Năng lực tự chủ
		CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	CLO2; LO3; CLO5.1 CLO5.2	CLO3; CLO4;	CLO4
Giảng bài / Thuyết giảng	Lắng nghe, đối chiếu	X			
Bài trình bày	đối chiếu, so sánh	X			
Học tập qua vấn đề	Giải quyết vấn đề	X	X	X	X
Phát vấn	Động não	X	X		
Học tập theo tổ/nhóm	Làm việc nhóm			X	X

8. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thang điểm đánh giá: 10/10
- Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Hình thức đánh giá [1]	Thời điểm [2]	Chuẩn đầu ra học phần [3]	Tỉ lệ (%) [4]	Rubric [5]
Quá trình			40	
Chuyên cần	Suốt quá trình học	CLO4	5	I.1
Thảo luận nhóm	Suốt quá trình học	CLO3; CLO4	5	I.3

Hình thức đánh giá [1]	Thời điểm [2]	Chuẩn đầu ra học phần [3]	Tỉ lệ (%) [4]	Rubric [5]
<i>Bài tập 1:</i> Bài tập về xây dựng đơn phối liệu	Khi học chương 2,3,4	CLO1.1; CLO1.3; CLO2; CLO3; CLO5.1; CLO5.2	10	I.2
<i>Bài tập 2:</i> Bài tập về xây dựng qui trình phối liệu	Khi học chương 2,3,4	CLO1.2; CLO1.3; CLO2; CLO3; CLO5.1; CLO5.2	10	I.2; I.5
<i>Báo cáo nhóm:</i> Sinh viên tìm hiểu tài liệu, làm báo cáo nhóm bằng powerpoint theo yêu cầu của giảng viên về nội dung và tiến độ thực hiện và thuyết trình vào các buổi học theo lịch đăng ký của nhóm dựa trên tiến độ chung của môn học	Suốt quá trình học	CLO3; CLO4; CLO5.1; CLO5.2	10	I.6
Thi cuối kỳ			60	
Nội dung bao quát tất cả các chương của học phần: - Chương 1: 20% câu hỏi - Chương 2: 40% câu hỏi - Chương 3: 20% câu hỏi - Chương 4: 20% câu hỏi	Sau khi kết thúc học phần	CLO1.1, 1.2; CLO1.3		Theo thang điểm của đề thi

9. NGUỒN HỌC LIỆU

9.1. Sách, giáo trình chính

- [1] Louis Hồ Tấn Tài, Các sản phẩm tẩy rửa và chăm sóc cá nhân, NXB Dunod, 2003.
[2] Ernest W. Flick, Cosmetic and Toiletry Formulations Second Edition Volume 7, the United States of America, 2014

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Jiashi J.Tarng and Charles Reich, Advanced Technology/Hair Care, Global Technology, 2006.
[2] Robbins, C.R., in Chemical and Physical Behavior of Human Hair, 4th ed., Robbins, C.R., Ed., Springer-Verlag, New York, 2002, pp. 193–310.
[3] Robbins, C.R., Reich, C., and Patel, A., J. Soc. Cosmet. Chem., 45, 85–94, 1994.
[4] Tharwat F. Tadros, Applied Surfactants: Principles and Applications, WILEY-VCH Verlag GmbH & Co. KGaA, Weinheim, 2005
[6] B. Lindman, Surfactants. T. F.Tadros (ed.): Academic Press, London, 2003, pp. 1984.
[7] K. Holmberg, B. Jonsson, B. Kronberg, B. Lindman: Surfactants and Polymers in Aqueous Solution, 2nd edition, John Wiley & Sons, USA, 2003

10. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên có nhiệm vụ:

- Tham dự trên 75% giờ học lý thuyết;

- Chủ động lên kế hoạch học tập;
- + Đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp hoặc yêu cầu;
- + Xem các nội dung mở rộng liên quan đến các bài tập đề tài của cá nhân, nhóm khác trên MS-Team
- Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, vấn đáp trên lớp;
- Hoàn thành đầy đủ, trung thực và sáng tạo các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu;
- Dự kiểm tra trên lớp (nếu có) và thi cuối học phần.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật hóa học từ khóa 13DH, năm học 2022-2023;

- Giảng viên: sử dụng đề cương này để làm cơ sở cho việc chuẩn bị bài giảng, lên kế hoạch giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học;

- Lưu ý: Trước khi giảng dạy, giảng viên cần nêu rõ các nội dung chính của đề cương học phần cho người học – bao gồm chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy và học chủ yếu, phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo dùng cho học phần;

- Người học: sử dụng đề cương này làm cơ sở để nắm được các thông tin chi tiết về học phần, từ đó xác định được phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi.

12. PHÊ DUYỆT

☒ Phê duyệt lần đầu

☐ Bản cập nhật lần thứ:

Ngày phê duyệt: 28/05/2022

Ngày cập nhật:

<i>Trưởng khoa</i>	<i>Trưởng bộ môn</i>	<i>Chủ nhiệm học phần</i>
TS. Ngô Thanh An	TS. Nguyễn Thị Hồng Anh	TS. Nguyễn Thị Hồng Anh